

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ thuộc
thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1534/QĐ-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn (*Phụ lục chi tiết kèm theo*).

Nội dung chi tiết thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bắc Kạn tại chuyên mục “DANH MỤC TTHC NỘI BỘ” tại địa chỉ: [dichvucong.backan.gov.vn](#).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực thi hành:

- Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn.

- Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch

Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3 (t/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NCPC (Vân).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Bình

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN
QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH BẮC KẠN

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực
1	Xử lý thiếu hụt tạm thời ngân sách cấp xã	Ngân sách nhà nước
2	Xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm	Tài chính - kinh tế ngành
3	Thủ tục trích nộp các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra vào ngân sách nhà nước	Tài chính - kinh tế ngành
4	Quyết định điều chuyển tài sản công	Quản lý công sản
5	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	Quản lý công sản
6	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	Quản lý công sản
7	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước và trường hợp theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Quản lý công sản
8	Quyết định bán tài sản công	Quản lý công sản
9	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	Quản lý công sản
10	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	Quản lý công sản
11	Thống kê, kiểm kê, đánh giá lại, báo cáo tài sản công tại cơ quan nhà nước	Quản lý công sản
12	Quyết định thanh lý tài sản công	Quản lý công sản
13	Quyết định tiêu hủy tài sản công	Quản lý công sản
14	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Quản lý công sản

15	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết	Quản lý công sản
16	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch	Quản lý công sản
17	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch	Quản lý công sản
18	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Quản lý công sản
19	Thanh toán chi phí từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch	Quản lý công sản
20	Thanh toán chi phí từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch	Quản lý công sản
21	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Quản lý công sản
22	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Quản lý công sản
23	Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Quản lý công sản
24	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Quản lý công sản
25	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Quản lý công sản
26	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao lại tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Quản lý công sản
27	Thanh toán chi phí từ việc khai thác/xử lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Quản lý công sản
28	Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Quản lý công sản
29	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư	Quản lý công sản
30	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	Quản lý công sản
31	Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.	Quản lý công sản

32	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản	Quản lý công sản
33	Lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản	Quản lý công sản
34	Thanh toán các khoản chi liên quan đến quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân	Quản lý công sản
35	Thanh toán chi thường cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản đối với tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm	Quản lý công sản
36	Thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản đối với tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên	Quản lý công sản
37	Thẩm định quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách	Quản lý đầu tư công
38	Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công	Quản lý đầu tư công
39	Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C	Quản lý đầu tư công
40	Quyết định đầu tư dự án nhóm A, B, C	Quản lý đầu tư công
41	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	Quản lý đầu tư công
42	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Quản lý đầu tư công
43	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	Quản lý đầu tư công
44	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP) do cơ quan có thẩm quyền lập	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)
45	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)
46	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)
47	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)

48	Thành lập doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
49	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
50	Chia, tách doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
51	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
52	Giải thể doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
53	Lập quy hoạch tỉnh	Quy hoạch
54	Cung cấp thông tin quy hoạch	Quy hoạch
55	Điều chỉnh quy hoạch tỉnh và điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn	Quy hoạch
56	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài
57	Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư)	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài
58	Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài
59	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài

60	Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài
61	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án, phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản	Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài